

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;
2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 676/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị M, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Thôn Đồng Do, xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái; tạm trú: 3/23B khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đồng Văn D, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Thôn Đồng Do, xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái; tạm trú: 3/23B khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị M trình bày: Bà Đặng Thị M và ông Đồng Văn D tự nguyện tìm hiểu, tiến đến quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái vào năm 2012. Sau khi về chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến

cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông Đồng Văn D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà M và ông D có 02 con chung tên Đồng Đăng Gia H, sinh ngày 09/01/2013 và Đồng Như Q, sinh ngày 13/4/2018.

Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Đồng Đăng Gia H, sinh ngày 09/01/2013 và Đồng Như Q, sinh ngày 13/4/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M tự nguyện không yêu cầu ông Đồng Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai đề ngày 15/7/2022, bị đơn ông Đồng Văn D trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà M về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và về con chung. Trong cuộc sống vợ chồng giữa ông D và bà M có xảy ra mâu thuẫn do áp lực công việc. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ và ông D cảm thấy cuộc sống của gia đình rất hạnh phúc. Hiện nay, ông D còn tình cảm với bà M và thương các con nên muốn vợ chồng hàn gắn cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M.

Sau khi cung cấp bản tự khai cho Tòa án, bị đơn ông Đồng Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông D đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông D đều vắng mặt không rõ lý do.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà M chấp hành đúng pháp luật tố tụng, ông D không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đặng Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đồng Văn D, đồng thời ông D hiện đang tạm trú tại địa chỉ 3/23B khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo biên bản xác minh ngày 13/7/2022) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Bà Đặng Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Đồng Văn D, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đồng Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do; nguyên đơn bà M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông D và xem như ông D từ bỏ quyền chứng minh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Đặng Thị M và ông Đồng Văn D tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái vào năm 2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông D là hợp pháp.

Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện trong quá trình chung sống với nhau, chính quyền địa phương không nắm được tình hình mâu thuẫn giữa bà M và ông D do không ai trình báo. Tuy nhiên, theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thể hiện bà M đã khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đồng Văn D nhưng bà M tự nguyện rút đơn khởi kiện. Qua đó cho thấy, bà M có nguyện vọng vợ chồng hàn gắn tình cảm và xây dựng gia đình hạnh phúc cùng với ông D nhưng tình cảm không thể hàn gắn nên bà M tiếp tục yêu cầu được ly hôn với ông D.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đặng Thị M và ông Đồng Văn D đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Đặng Thị M được ly hôn với ông Đồng Văn D.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà M và ông D có 02 con chung tên Đồng Đăng Gia H, sinh ngày 09/01/2013 và Đồng Như Q, sinh ngày 13/4/2018. Bà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, hiện nay bà M đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và Q; đồng thời, do cháu H đã trên 07 tuổi nên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm việc với cháu H theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Qua làm việc, cháu H xác định trường hợp cha và mẹ ly hôn, cháu H có nguyện vọng sống với bà M. Do đó, để tránh sự thay đổi môi

trường sống và học tập của cháu H, Q nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp về người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M đối với ông Đồng Văn D về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị M được ly hôn với ông Đồng Văn D.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Đồng Đặng Gia H, sinh ngày 09/01/2013 và Đồng Như Q, sinh ngày 13/4/2018 cho bà Đặng Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị M về việc không yêu cầu ông Đồng Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu số 0002779 ngày 06/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Kiệt

